

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO
Số: 11/2018/CV-CBTT
V/v Công bố thông tin

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 04 tháng 04 năm 2018



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Mã chứng khoán: ATA

Trụ sở chính: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 02963 601255

Fax: 02963 931797

Người thực hiện công bố thông tin: Vương Kim Quyên

Địa chỉ: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 02963 601255

Fax: 02963 931797

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin Báo cáo thường niên 2017 của Công ty Cổ phần NTACO.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo thường niên năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin

Vương Kim Quyên

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017**

Ngày 03 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần NTACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600513044
- Vốn điều lệ: 119.999.980.000đ (*Một trăm mười chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 119.999.980.000.000 đồng
- Địa chỉ: số 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại: 02963 601255
- Số fax: 02963.931 797
- Website: www.ntacocorp.com.vn
- Mã cổ phiếu: ATA

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của NTACO là Công ty TNHH Tuấn Anh được thành lập ngày 15/08/2000 với số vốn điều lệ ban đầu là 2.700.000.000 đồng, ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là chăn nuôi cá bè, xây dựng cầu đường, giao thông thủy lợi... trụ sở đặt tại 231/B9 Huỳnh Thúc Kháng, Tp Long Xuyên, An Giang.

Theo xu hướng phát triển chung của ngành nuôi trồng chế biến thủy sản và khả năng nắm bắt cơ hội, năm 2002 Ban lãnh đạo Công ty đã tiến hành cho xây nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh và bắt đầu đi vào hoạt động từ 09/2003 và nâng vốn điều lệ lên 35.112.080.000 đồng, đồng thời tiến hành dời trụ sở về 99 Hùng Vương, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đến ngày 11/04/2007 NTACO chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 5203000066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 11/04/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19/03/2008

Ngày 08 tháng 09 năm 2009 Công ty chính thức niêm yết 10.000.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là ATA.

Năm 2011 Công ty tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 119.999.980.000 đồng và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành số: 1600513044 do Sở kế Hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 05 năm 2012.

Tại Đại hội cổ đông ngày 03 tháng 11 năm 2015 Công ty đã bầu lại nhân sự chủ chốt và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 12 tháng 11 năm 2015.

Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 09 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư tỉnh An Giang cấp.

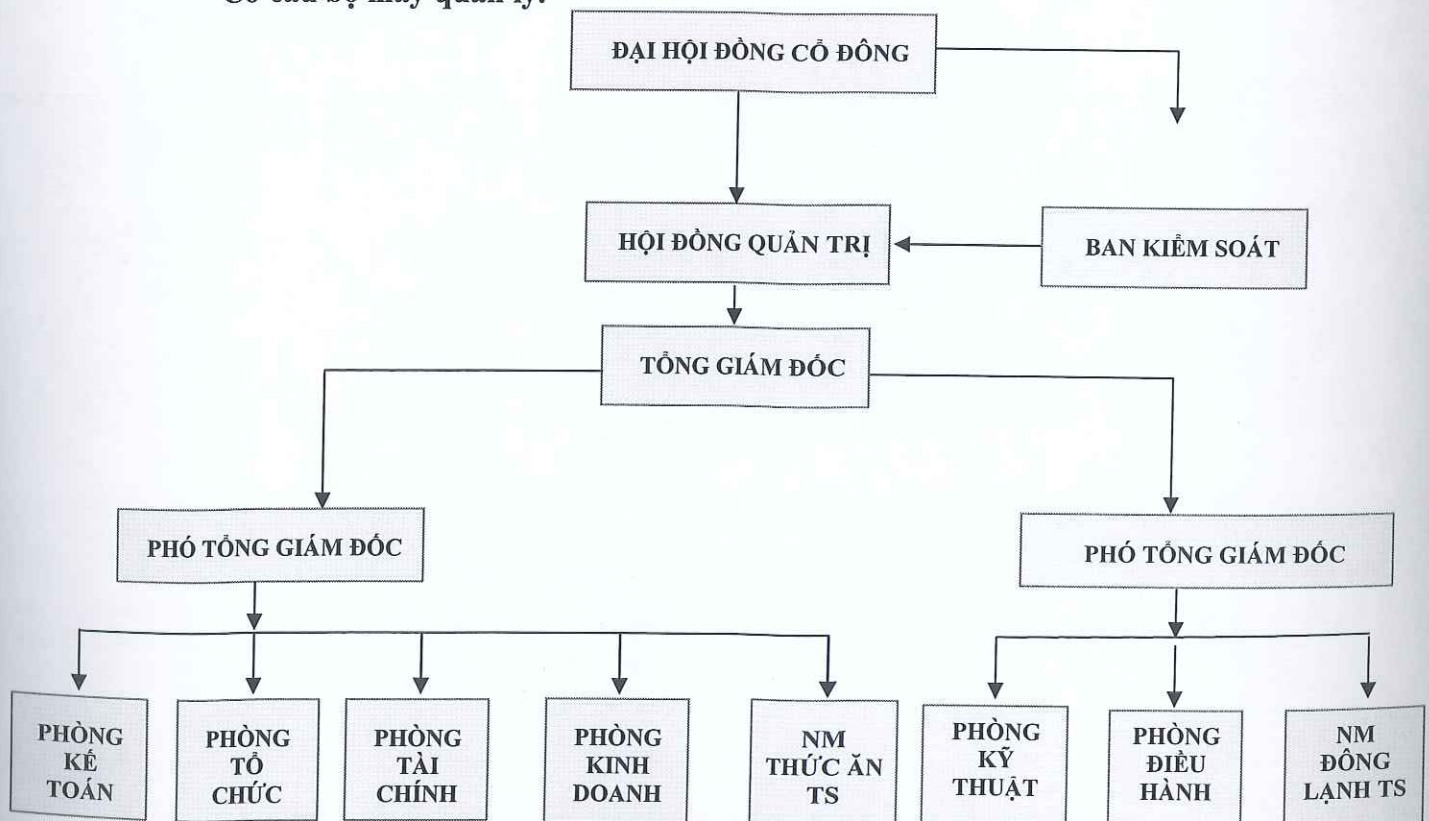
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Chế biến thủy sản, sản xuất thức ăn thủy sản, sản xuất, mua bán bao bì giấy, bao bì PE, PP, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá, nuôi cá, mua bán cá và thủy sản...
- **Địa bàn kinh doanh:** Địa bàn kinh doanh là trong tỉnh. Tuy nhiên, do đặc thù là ngành chế biến cá tra xuất khẩu nên phần lớn nguồn thu của Công ty là ngoài nước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị Công ty gồm:** Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý.**



- **Công ty liên kết:** Công ty Cổ Phần NTACO đầu tư vào Công ty cổ phần Âu Việt với mức đầu tư là 1.335.000.000 đồng, chiếm 15% vốn điều lệ Công ty này. Công ty cổ phần Âu Việt có trụ sở chính tại Ấp Trung Bình Nhất, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Ngành nghề chính là nuôi trồng thủy sản, mua bán cá, chế biến tro trấu..

5. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu và chiến lược phát triển Công ty:** Phát triển Công ty trong thời gian tới là trở thành Công ty xuất khẩu thủy sản mạnh và nằm trong top đầu các Công ty xuất khẩu thủy sản.

- **Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:** Là ngành cần nhiều lao động, hiện Công ty đang tạo việc làm cho hơn 500 lao động trong và ngoài tỉnh. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy đông lạnh và vùng nuôi thủy sản để đảm bảo nguồn nước thải không ảnh hưởng đến môi trường.

6. **Các rủi ro:** Kinh tế còn trong giai đoạn khó khăn, nên rủi ro lớn nhất hiện tại là việc thanh toán tiền hàng từ nước ngoài. Tuy nhiên, rủi ro này cũng được hạn chế vì phần lớn khách hàng của Ntaco trong thời điểm này là những khách hàng quen biết, có quan hệ thường xuyên và lâu năm.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/giảm
Doanh thu thuần	60.761.511.459	5.683.946.697	(55.077.564.762)
Lợi nhuận sau thuế	1.467.046.412	(163.779.382.254)	(162.321.335.842)

Doanh thu, lợi nhuận giảm mạnh so với cùng kỳ là do Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hàng tồn kho tăng cao.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

2.1.1. Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Sơn
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 011611615; cấp ngày: 11/05/2013; Nơi cấp: Hà Nội

- Ngày, tháng, năm sinh: 10/07/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Anh- Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0763.931931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, luật sư
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2001 đến nay: Chủ tịch Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An
 - + Từ 2009 đến nay: Chủ tịch Công ty Cổ phần Đấu giá Đại Nam
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Công ty Cổ phần thu nợ Dân An , Chủ tịch Công ty Cổ phần Đấu giá Đại Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 816.680 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Hồ Mạnh Dũng
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 350002939; cấp ngày: 10/07/2006; Nơi cấp: An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/04/1951
- Nơi sinh: Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Nam



- Địa chỉ thường trú: 499 Quảng Cơ Thành, Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0763.940837
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1975 đến 2007: Công tác tại văn phòng Tỉnh Ủy
 - + Từ 2007 đến 2011: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư du lịch và Phát triển thủy sản- Công ty thành viên tập đoàn Sao Mai
 - + Từ 2012 đến nay: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Sao Mai
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Sao Mai
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Lý Vĩ Phát
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 351421918; cấp ngày: 08/03/2016; Nơi cấp: An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 30/07/1982
- Nơi sinh: Châu Đốc - An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Bình Hòa, Châu Phú - An Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963 601255
- Trình độ văn hoá: 12/12

T.C.P. ★ 8/1

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2006 đến 2008: Làm việc ở Công ty CP XNK TS AGIFISH
 - + Từ 2008 đến 2010: Công ty QVD - Đồng Tháp
 - + Từ 2010 đến 2015: Công ty CP XNK TS Hòa Phát
 - + Từ 2015 đến nay: Công ty Cổ phần NTACO
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

d. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Trần Minh Trọng
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 351865509, cấp ngày 27/08/2014, tại An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 03/02/1990
- Nơi sinh: Vĩnh Thành, Châu Thành, An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: ấp Đông Bình Nhất, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, An Giang
- Số điện thoại liên lạc: 02963.931477
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

+ 2016 đến nay: Công ty Cổ phần NTACO

- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành Viên Hội Đồng Quản trị và Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

e. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Lê Thị Phương Thảo
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 012854257; cấp ngày: 22/02/2006; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 02/03/1992
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 24, ngách 111/21 Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963 931931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2014: BBQ Company
 - + Từ 2015: Apax English center
 - + Từ 2016 đến nay: NTACO company
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản trị và Tổng Giám Đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không



- Số cổ phần nắm giữ: 52.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

f. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Tùng
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 011286252; cấp ngày: 21/09/2010; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 05/09/1968
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Phường hàng Đào , Q.Hoàn Kiếm
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0936776677
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học bách khoa
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1986 đến 1993: Sinh viên đại học bách khoa Hà nội
 - + Từ 1993 đến 1997: Cửa hàng dịch vụ kỹ thuật tin học
 - + Từ 1999 đến nay: Giám Đốc Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Và TM Bảo Anh.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Giám Đốc Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Và TM Bảo Anh.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không

3051
ĐNG
CI
TA
UYEN

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

g. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Quốc Cường
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 011286216; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 04/09/1966
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 46/61 Nguyễn Sơn, Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963 931931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2000 đến nay: Công ty Cổ phần Thu Nợ Dân An - Chi nhánh Hà Nội
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thu Nợ Dân An - Chi nhánh Hà Nội
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.1.2. Ban Giám đốc

- a. Tổng Giám đốc: Lê Thị Phương Thảo
- Giới tính: Nữ
 - Số CMND: 012854257; cấp ngày: 22/02/2006; Nơi cấp: Hà Nội

- Ngày, tháng, năm sinh: 02/03/1992
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 24, ngách 111/21 Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963 931931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2014: BBQ Company
 - + Từ 2015: Apax English center
 - + Từ 2016 đến nay: NTACO company
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản trị và Tổng Giám Đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 52.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Phó Tổng Giám đốc: Lý Vỹ Phát

- Giới tính: Nam
- Số CMND: 35142198; cấp ngày: 08/03/2016; Nơi cấp: An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 30/07/1982
- Nơi sinh: An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang

- Địa chỉ thường trú: Bình Hòa, Châu Phú, tỉnh An Giang
- Số điện thoại liên lạc: 0763.931931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2006 – 2008 Công tác tại Công ty cổ phần AGIFISH (AGF)
 - + Từ 2008 - 2010 Công tác tại Công ty QVD
 - + Từ 2010 - 2015 Công tác tại Công ty Hòa Phát
 - + Từ 2015 đến nay Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan cá nhân đối với các tổ chức phát hành: không

c. Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Thị Dung

- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 350 058 770; cấp ngày: 11/04/2005; Nơi cấp: An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/12/1960
- Nơi sinh: Châu Đốc, An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: 52/2A Lý Thái Tổ, Mỹ Long, Long Xuyên, An Giang.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0763.665100
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy sản



- Quá trình công tác:
 - + Từ 2000 đến 2005: Công tác tại Trung tâm giống Thủy sản – Sở Nông nghiệp tỉnh An Giang
 - + Từ 2000 đến 2007: Công tác tại Hiệp hội nghề cá tỉnh An Giang (AFA)
 - + Từ 2007 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ntaco, Giám đốc nhà máy thức ăn thủy sản Việt Thái
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần NTACO
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 26.680 cổ phần.
 - Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 26.680 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.1.3. Ban kiểm soát

a. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Sơn Ngọc Thành
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 351499340 ; cấp ngày: 19/04/2012 ; Nơi cấp: An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 28/04/1984
- Nơi sinh: Bình An II, An Hòa, Châu Thành, An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Bình An II, An Hòa, Châu Thành, An Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963 933169

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2008 đến nay: nhân viên Công ty Cổ phần NTACO
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Đông
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 18/10/1985
- Nơi sinh: An Giang
- Số chứng minh nhân dân: 351572617
- Nơi cấp: Công An An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Mỹ Luông, Chợ Mới, An Giang
- Điện thoại liên lạc: 02963 601255
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2008 đến nay: Phòng kinh doanh Công ty cổ phần NTACO
- Số cổ phần nắm giữ : 0

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

c. Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: Cao Tuyết Lan
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 011920576; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 21/02/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 43/61 Nguyễn Sơn, Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tin học
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2000 - 2004: Trung Tâm Tin Học PT
 - + Từ 2005 - 2012: Công ty CP Thương Mại DV Tổng Hợp và Công Nghệ HTL
 - + Từ 2013 đến nay: CN. Công ty CP Đầu Giá Đại Nam tại Hà Nội
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành Viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Việt Việt Nhật.
- Số cổ phần nắm giữ: Không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm, Công ty có sự thay đổi Ban điều hành như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT	Bỏ nhiệm 03/11/2015
2	Lý Vỹ Phát	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm 23/06/2017
3	Hồ Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm 03/11/2015
4	Trần Minh Trọng	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm 23/06/2017
5	Lê Thị Phương thảo	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm 23/06/2017
6	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm 23/06/2017
7	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm 20/05/2016
8	Lê Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm 09/06/2017
9	Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Phó Tổng Giám đốc	Bãi nhiệm 17/05/2017
10	Lý Vỹ Phát	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm 15/12/2015
11	Trần Minh Trọng	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm 09/12/2015

3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 317 người, cơ cấu lao động như sau:

Bộ phận	Trình độ	Số CB.CNV	Tỷ trọng
Khối văn phòng	Thạc sỹ	02	0,64%
	Đại học	06	1.89%
	Cao đẳng, trung cấp	01	0.32%

Khối sản xuất	Đại học	06	1.89%
	Cao đẳng, trung cấp	04	1.26%
	Lao động phổ thông	298	94%
Tổng cộng		317	100,00%

3.2. Chính sách đối với người lao động:

a. Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc từ thứ hai tới sáng thứ bảy, nghỉ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật. Do đặc điểm của sản xuất chế biến thủy sản, người lao động làm việc tại bộ phận thành phẩm và bộ phận kho được chia làm 02 ca/ngày làm việc mỗi ca làm việc 8h. Đối với khối văn phòng và các bộ phận khác chỉ làm việc 01 ca/ngày.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Đối với công nhân sản xuất sản phẩm đông lạnh, do thường xuyên phải tiếp xúc với môi trường ẩm ướt, lạnh nên Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định của nhà nước như: quần, áo, mũ, găng tay, khẩu trang, ủng... Đối với công nhân phụ trách điện được công ty trang bị quần áo, găng tay, giày... không dẫn điện và các dụng cụ sử dụng an toàn điện như dây bảo hiểm, thang, kèm cách điện, mũ an toàn...

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Tuyển dụng: Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho nhà máy chế biến và từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học An Giang, Cần Thơ, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong nhà máy chế biến cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với công nhân nhà máy chế biến, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khoá đào tạo như các khóa đào tạo về tiêu chuẩn HACCP, các khóa đào tạo BRC (British Retail Consortium) của Hiệp hội Bán lẻ Anh Quốc...

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà

nước.

Công ty có khu tập thể cho các cán bộ quản lý của nhà máy.

Bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp. Ngoài ra, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn cho cán bộ công nhân viên tại Công ty Bảo hiểm Bảo Minh.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Ntaco đã góp 15% vốn điều lệ vào Công ty cổ phần Âu Việt.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 11.999.998 cổ phiếu.
- Tất cả cổ phần trên được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ và tên	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Sơn	816.680	6.81%	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Thị Phương Thảo	52.000	0.43%	Tổng Giám Đốc
3	Nguyễn Thị Dung	26.680	0.22%	Phó Tổng Giám Đốc
6	Cổ đông khác	11.104.638	92.54%	
Tổng cộng		11.999.998	100%	

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm Công ty không phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e) **Các chứng khoán khác:** Hiện tại, Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thưởng, trái phiếu...

6. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

Trong năm 2015 do những ảnh hưởng nền kinh tế Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khoản mục	Kế hoạch 2017	Kết quả 2017	So với kế hoạch
Doanh thu thuần	500.000.000.000	5.683.946.697	1.14%
Lợi nhuận	50.000.000.000	(163.779.382.254)	(327.56)%

Doanh thu, lợi nhuận giảm mạnh so với kế hoạch. Kết quả trên đã phản ánh đúng với tình hình thực tế trong năm qua, tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn

6.1. Tình hình tài chính

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	122.448.318.908	1.260.985.635	(98.97)%
Tài sản dài hạn	42.968.691.701	34.676.550.236	(19.30)%
Nợ ngắn hạn	464.807.040.598	499.106.948.114	(7.38)%
Nợ dài hạn	-	-	-

Kết quả trên cho thấy tình hình tài sản Công ty trong năm qua biến động giảm mạnh, tài sản ngắn hạn giảm (98.97)%, tài sản dài hạn giảm (19.30)%. Nợ ngắn hạn giảm (7.38)%.

6.2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như những chính sách của Công ty đã đi vào ổn định, riêng với chính sách cho người lao động Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, trợ cấp, lương thưởng và các phúc lợi khác...

6.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay, việc đưa ra kế hoạch phát triển dài hạn sẽ khó đạt được. Vì thế, để đảm bảo cho kế hoạch đưa ra, Công ty sẽ dựa trên tình hình thực tế để đề xuất kế hoạch cho từng năm cụ thể. Việc đề xuất kế hoạch sẽ được Đại hội cổ đông thường niên thông qua hàng năm.

7. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động Công ty, các quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015. Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty từ đó đề ra các quyết định phù hợp. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Nhìn chung, ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội cổ đông và thực hiện tốt công tác điều hành hoạt động của mình.

Tuy nhiên, sự khó khăn trong nước cũng như quốc tế đã làm cho kết quả kinh doanh sụt giảm mạnh và không hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm.

8. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ Tịch HĐQT	816.680	6.81%
2	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0	0.00%
3	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT	0	0.00%
4	Lý Vĩ Phát	Thành viên HĐQT	0	0.00%
5	Trần Minh Trọng	Thành viên HĐQT	0	0.00%
6	Lê Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	52.000	0.43%
7	Hồ Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	0	0.00%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, mà cử các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách vấn đề nhân sự, tiền lương, thưởng Công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/BB-HĐQT/2017	18/01/2017	Biên bản HĐQT v/v giao cho Tổng Giám đốc lập hồ sơ báo cáo Sở giao dịch Hà Nội để cổ phiếu ATA sẽ giao dịch tại sàn Upcom.
2	01/NQ-HĐQT/2017	18/01/2017	Nghị Quyết HĐQT V/v ký hợp đồng với Công ty TNHH PKF Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để thực

			hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.
3	02/BB-HĐQT/2017	17/01/2017	Biên bản HĐQT v/v chọn đơn vị kiểm toán 2017
4	03/BB-HĐQT/2017	24/03/2017	Biên bản HĐQT v/v chốt danh sách cổ đông họp ĐHCĐ thường niên 2017
5	NQ-HĐQT/2017	24/03/2017	Nghị Quyết HĐQT V/v chốt danh sách cổ đông họp ĐHCĐ thường niên 2017
6	01//BB-ĐHCĐ/2017	23/06/2017	Biên bản ĐHCĐ thường niên 2017
7	01/NQ-ĐHCĐ/2017	23/06/2017	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2017

d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**
Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Sơn Ngọc Thành	Trưởng Ban KS	0	0.00%
2	Cao Tuyết Lan	Thành viên BKS	0	0.00%
3	Nguyễn Hữu Đông	Thành viên BKS	0	0.00%

b) **Hoạt động của Ban kiểm soát:** Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra các hoạt động Công ty.

3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Năm 2015, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc không nhận thù lao và các khoản lợi ích khác.

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

9. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Số. 85/2018/BCKT-PKF.HCMC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Ntaco, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ntaco chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã nhận được kết quả Bán án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo đó, Công ty phải có nghĩa vụ chi trả nợ gốc, lãi đến hạn và lãi quá hạn với tổng số tiền lần lượt là 40.417.466.700 VND và 3.086.295.981 VND.

Bên cạnh đó, tòa án tỉnh An Giang cũng đang thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang về các khoản vay của Công ty tại ngân hàng này. Tuy nhiên, vẫn chưa có quyết định chính thức của tòa về thời gian giải quyết vụ kiện.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty tiếp tục lỗ lũy kế là 581.016.318.662 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 495.692.888.898 VND. Trong đó, một số hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập các thỏa thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên, và chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ.

Theo đó, giả định hoạt động liên tục khi lập Báo cáo tài chính của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nhưng do tính chất phức tạp của các vụ kiện nêu trên nên chúng tôi chưa đủ thông tin để đánh giá liệu Công ty có bị buộc ngừng hoạt động do nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý liên quan.

Như đã nêu tại thuyết minh số 5.8, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nhận định giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là trên 600.000.000.000 đồng. Với nhận định trên, Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng và cơ sở thích hợp để đánh giá tính hợp lý và phù hợp của việc nhận định này.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về cơ sở lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục của báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vấn đề về các khoản nợ phải thu và phải trả chưa thu thập được bằng chứng chứng minh cho tính hiện hữu và chính xác được ghi nhận trong Báo cáo kiểm toán cho Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty xử lý theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA ngày 19 tháng 01 năm 2018 (xem thuyết minh số 5.18.3 và 6.6). Đồng thời Công ty đã thực hiện trích lập đầy đủ các khoản lãi vay và dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1



Phạm Thị Anh Khoa

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1521-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.260.985.635	122.448.318.908
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	111.983.306	706.681.689
Tiền	111		111.983.306	706.681.689
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		723.164.847	121.674.597.536
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	6.443.338.378	155.990.967.027
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	508.748.374	69.530.364.274
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	-	10.480.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.095.245.453	5.004.018.660
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(7.489.944.925)	(119.496.529.992)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		165.777.567	165.777.567
Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		425.837.482	67.039.683
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		425.837.482	67.039.683
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.676.550.236	42.968.691.701
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	153.989.898
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	-	307.979.796
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(153.989.898)
Tài sản cố định	220		34.676.550.236	42.499.550.186
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	31.193.130.236	39.016.130.186
- Nguyên giá	222		110.663.265.916	114.989.901.825
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.470.135.680)	(75.973.771.639)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.483.420.000	3.483.420.000
- Nguyên giá	228		3.483.420.000	3.483.420.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	1.335.000.000	1.335.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	315.151.617
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	315.151.617
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
CỘNG TÀI SẢN	270		35.937.535.871	165.417.010.609

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		499.106.948.114	464.807.040.598
Nợ ngắn hạn	310		499.106.948.114	464.807.040.598
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	8.142.590.575	10.257.597.470
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	67.227.930	1.136.276.190
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.020.913.254	572.085.749
Phải trả người lao động	314		470.067.500	1.006.927.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	161.691.631.437	102.285.141.707
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	649.090.034	24.483.585.098
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	324.824.798.044	324.824.798.044
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	240.629.340	240.629.340
Quý bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quý phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

00510
 ÔNG NGUYỄN CHỮA
 ITA
 TUYẾN
 440
 ÔNG NGUYỄN CHỮA
 CHI ĐẠO
 PHÂN
 HỒ C
 PH

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(463.169.412.243)	(299.390.029.989)
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	(463.169.412.243)	(299.390.029.989)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.980.000	119.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.980.000	119.999.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.17	(583.169.392.243)	(419.390.009.989)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(419.390.009.989)	(419.390.009.989)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm hiện hành	421b		(163.779.382.254)	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		35.937.535.871	165.417.010.609

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2018



TRẦN MINH TRỌNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH SƠN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết Minh	2017	2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.683.946.697	60.761.511.459
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	5.683.946.697	60.761.511.459
Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.796.512.305	50.091.449.777
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.112.565.608)	10.670.061.682
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.117.017	7.124.443
Chi phí tài chính	22	6.3	59.406.489.730	29.264.358
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		59.406.489.730	-
Chi phí bán hàng	25	6.4	-	82.413.749
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.029.253.281	8.995.113.123
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(71.546.191.602)	1.570.394.895
Thu nhập khác	31	6.6	28.477.218.217	1.825.387.472
Chi phí khác	32	6.7	120.710.408.869	1.987.723.239
Lợi nhuận khác	40		(92.233.190.652)	(162.335.767)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(163.779.382.254)	1.408.059.128
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	-	(67.987.284)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(163.779.382.254)	1.476.046.412
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(13.648)	123

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2018



NGUYỄN THANH SƠN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

TRẦN MINH TRỌNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Đơn vị: VND

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(163.779.382.254)	1.408.059.128
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	6.234.583.518	6.517.252.084
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	1.794.251.284	29.264.358
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.563.870.977	1.029.848.600
- Chi phí lãi vay	06	59.406.489.730	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(94.780.186.745)	8.984.424.170
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	118.952.373.504	(11.925.673.550)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(25.106.582.214)	1.893.312.556
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	315.151.617	140.702.383
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(619.243.838)	(907.234.441)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	24.545.455	122.727.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	24.545.455	122.727.273
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

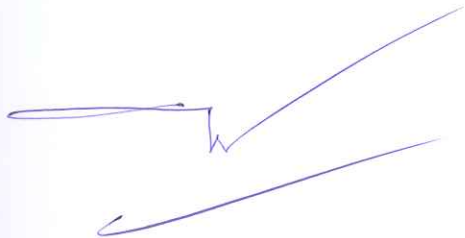
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
chính			
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(594.698.383)	(784.507.168)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	706.681.689	1.491.188.857
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	111.983.306	706.681.689

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**TRẦN MINH TRỌNG**
Kế toán trưởng**NGUYỄN THANH SƠN**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ntaco là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh – Thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 8 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 30 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600513044 ngày 11 tháng 4 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 191.999.980.000 đồng tương đương 11.999.998 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến thủy sản, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá;
- Nuôi cá;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Chế biến mua bán nông sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản;
- Xay xát và sản xuất bột thô.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là chế biến thủy sản, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá và mỡ cá.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty có hai đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái tọa lạc tại tổ 18, Quốc lộ 91, ấp Bình An I, xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và Nhà máy bao bì Vạn Lợi tọa lạc tại số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 13 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 25 người).

Các sự kiện quan trọng trong năm tài chính

Trong năm, Công ty đã xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông về việc xử lý các khoản công nợ phải thu khách hàng, ứng trước cho người bán, cho vay ngắn hạn,... và Công ty đã tiến hành xử lý làm cho kết quả hoạt động kinh doanh biến động đột biến so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, chi tiết như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 – 45
Máy móc và thiết bị	08 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương, các khoản lương khoán theo năng suất và phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

4.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0%, 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác

Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	90.660.266	612.090.571
Tiền gửi ngân hàng	21.323.040	94.591.118
Cộng	<u>111.983.306</u>	<u>706.681.689</u>

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Âu Việt (*)	1.335.000.000	(1.335.000.000)	-	1.335.000.000	(1.335.000.000)	-
Cộng	<u>1.335.000.000</u>	<u>(1.335.000.000)</u>	-	<u>1.335.000.000</u>	<u>(1.335.000.000)</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 1501406567, ngày 27 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Âu Việt 1.335.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động trong năm của dự phòng đầu tư tài chính là như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số đầu năm	1.335.000.000	1.305.735.642
Trích bổ sung dự phòng trong năm	-	29.264.358
Số cuối năm	1.335.000.000	1.335.000.000

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	6.443.338.378	155.990.967.027
<u>Các đối tượng không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ</u>	-	34.220.611.782
Khách vắng lai (*)	-	16.035.300.098
Vùng nuôi sinh thái Công ty (*)	-	14.365.311.684
Vùng nuôi thủy sản Công ty (*)	-	3.820.000.000
<u>Các khách hàng khác</u>	<u>6.443.338.378</u>	<u>121.770.355.245</u>
Công ty Binca Seafoods GMBH	-	76.317.612.833
Pescados P.C.S., S.L	-	10.816.638.310
Global Tradings Ltd	4.182.076.555	4.182.076.555
Công ty TNHH Mekong	577.500.165	577.500.165
Camarones Pena Blanca S.A. De C.V.	-	958.304.089
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu thủy sản Vietfish	221.415.000	221.415.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	39.517.569	39.517.569
Công ty TNHH Thủy sản Panga Mekong	-	39.818.666
Cao Văn Giàu	-	12.135.000.000
Ngô Thanh Liêm	-	10.891.244.000
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	-	2.031.252.166
Các khách hàng khác	1.422.829.089	3.559.975.892
Cộng	6.443.338.378	155.990.967.027

(*) Các khoản công nợ không có đối tượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán khác	508.748.374	-	69.530.364.274	(34.333.421.932)
<u>Các đối tượng không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ</u>	-	-	<u>68.666.843.861</u>	<u>(34.333.421.932)</u>
Ngô Thanh Liêm	-	-	47.679.641.787	(23.839.820.894)
Cao Văn Giàu	-	-	5.666.267.593	(2.833.133.797)
Nguyễn Thành Long	-	-	5.000.000.000	(2.500.000.000)
Nguyễn Thành Công	-	-	7.832.127.990	(3.916.063.995)
Vùng nuôi thủy sản Công ty (*)	-	-	2.488.806.491	(1.244.403.246)
<u>Các đối tượng khác</u>	<u>508.748.374</u>	-	<u>863.520.413</u>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I	177.969.960	-	177.969.960	-
Trung tâm Đào tạo và Xúc tiến Thương mại Vasep	84.463.227	-	84.463.227	-
Các nhà cung cấp khác	246.315.187	-	601.087.226	-
Cộng	508.748.374	-	69.530.364.274	(34.333.421.932)

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu bên liên quan	-	-
Phải thu các cá nhân khác	-	10.480.000.000
Bà Trịnh Thị Kim Sang	-	2.000.000.000
Bà Lê Thị Phụng	-	1.600.000.000
Ông Lâm Hồng Nam	-	1.500.000.000
Bà Lê Thị Lệ Thủy	-	1.500.000.000
Bà Trần Thị Bích Ngọc	-	1.200.000.000
Bà Lâm Thị Phượng	-	1.000.000.000
Bà Trương Thị Bảy	-	1.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Hiền	-	600.000.000
Ông Trần Văn Sê	-	80.000.000
Cộng	-	10.480.000.000

Các khoản cho cá nhân vay với lãi suất với 1,2%/tháng. Các khoản cho vay này chưa có hợp đồng vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6 Phải thu khác**5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	860.000.000	-
Nguyễn Thanh Sơn	-	-	860.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.095.245.453	(818.590.223)	4.144.018.660	(365.764.219)
Các khoản phải thu không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ	-	-	3.007.928.437	(365.764.219)
Tạm ứng nhân viên	244.153.997	(233.653.997)	263.153.997	-
Trịnh Ngọc Minh	266.155.230	-	-	-
Các khoản khác	584.936.226	(584.936.226)	872.936.226	-
Cộng	1.095.245.453	(818.590.223)	5.004.018.660	(365.764.219)

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	-	-	307.979.796	(153.989.898)
Ký cược, ký quỹ	-	-	307.979.796	(153.989.898)
Cộng	-	-	307.979.796	(153.989.898)

5.7 Dự phòng phải thu ngắn/dài hạn khó đòi

Dự phòng phải thu ngắn/dài hạn khó đòi tại ngày 31/12/2017 như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi	6.421.407.153	79.557.343.841
Dự phòng trả trước cho người bán	249.947.549	34.333.421.932
Dự phòng cho vay ngắn hạn khó đòi	-	5.240.000.000
Dự phòng phải thu khác khó đòi	818.590.223	519.754.117
Cộng	7.489.944.925	119.650.519.890

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn/dài hạn khó đòi là như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số đầu năm	119.650.519.890	119.650.519.890
Xóa dự phòng trong năm	(113.954.826.249)	-
Dự phòng bổ sung trong năm	1.794.251.284	-
Số cuối năm	7.489.944.925	119.650.519.890

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2017	42.706.811.823	70.072.320.720	1.083.922.198	1.126.847.084	114.989.901.825
Giảm khác	2.508.414.096	831.174.287	504.758.562	482.288.964	4.326.635.909
Tại 31/12/2017	40.198.397.727	69.241.146.433	579.163.636	644.558.120	110.663.265.916
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	406.189.964	29.021.971.883	-	569.506.172	29.997.668.019
Giá trị hao mòn					
Tại 01/01/2017	19.956.893.945	54.057.124.437	854.973.093	1.104.780.164	75.973.771.639
Khấu hao trong năm	2.279.665.865	3.842.592.789	91.073.427	21.251.437	6.234.583.518
Giảm khác	1.112.227.658	694.765.541	448.937.314	482.288.964	2.738.219.477
Tại 31/12/2017	21.124.332.152	57.204.951.685	497.109.206	643.742.637	79.470.135.680
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2017	22.749.917.878	16.015.196.283	228.949.105	22.066.920	39.016.130.186
Tại 31/12/2017	19.074.065.575	12.036.194.748	82.054.430	815.483	31.193.130.236

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 31.193.130.236 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là trên 600.000.000.000 đồng bao gồm: Giá trị nhà xưởng, nhà máy đông lạnh, quyền sử dụng đất khu công nghiệp (xem thuyết minh 5.9) với diện tích khoản 27.000 m² khu nhà văn phòng, nhà kho, hàng hóa và máy móc thiết bị hiện có. Trong tương lai, Công ty sẽ tiến hành thuê dịch vụ chuyên nghiệp để định giá lại tài sản để làm cơ sở đánh giá lại toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

5.9 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại ngày 01/01/2017	3.483.420.000	-	3.483.420.000
Tại ngày 31/12/2017	3.483.420.000	-	3.483.420.000

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả bên liên quan	126.000.000	2.580.440.625
Bà Nguyễn Thị Dung	-	2.580.440.625
Bà Đinh Thị Phương Thùy	96.000.000	-
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An - Chi nhánh Hồ Chí Minh	30.000.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	8.016.590.575	7.677.156.845
Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco	873.459.321	873.459.321
Công ty Cổ phần Âu Việt	6.000.000.000	6.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.143.131.254	803.697.524
Cộng	8.142.590.575	10.257.597.470

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	67.227.930	1.136.276.190
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	67.227.930	67.227.930
Các khách hàng khác	-	427.087.500
Các khách hàng không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ	-	641.960760
Cộng	67.227.930	1.136.276.190

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	01/01/2017	Số phát sinh trong năm		31/12/2017
	VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	129.116.477	808.301.565	(129.116.477)	808.301.565
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	28.536.450	-	(28.536.450)	-
Thuế tài nguyên	1.800.000	4.200.000	(4.800.000)	1.200.000
Tiền thuê đất	398.283.480	796.566.960	(398.283.480)	796.566.960
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Các loại thuế khác	14.349.342	1.414.844.729	(14.349.342)	1.414.844.729
Cộng	572.085.749	3.028.913.254	(580.085.749)	3.020.913.254

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng

như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	: 0%
Gia công	: 5%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	: 10%
Cá fillet và phụ phẩm cá tươi	: Không chịu thuế

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 52121000085 của UBND tỉnh An Giang ký ngày 10 tháng 10 năm 2007, đối với dự án Chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái thì Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% cho 12 năm và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu, và giảm 50% cho 07 năm tiếp theo.

Các thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế suất theo thuế suất phổ thông.

Công ty xác định trong năm 2017 không phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**Các loại thuế khác**
Công ty kê khai và nộp theo qui định.**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả	161.691.631.437	102.285.141.707
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	118.535.492.447	70.316.370.363
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang	11.637.466.667	3.610.335.972
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	28.001.928.746	25.429.302.689
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang	2.074.770.467	2.074.770.467
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang	1.441.973.110	854.362.216
Cộng	161.691.631.437	102.285.141.707

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả bên liên quan	482.230.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	482.230.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	166.860.034	24.483.585.098
Kinh phí công đoàn	-	30.247.360
Các khoản bảo hiểm trích theo lương	18.974.488	444.325.367
Công ty Cổ phần Châu Á (*)	-	20.924.157.611
Các khoản phải trả khác	147.885.546	3.084.854.760
Cộng	649.090.034	24.483.585.098

(*) Số tiền phải trả Công ty Cổ phần Châu Á do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang thực hiện phát mãi tài sản bảo lãnh của bên thứ ba – Công ty Cổ phần Châu Á - cho khoản vay của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. 15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	324.824.798.044	-	324.824.798.044	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	323.824.798.044	-	323.824.798.044	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱ⁾	236.613.778.977	-	236.613.778.977	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	28.780.000.000	-	28.780.000.000	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	53.317.842.389	-	53.317.842.389	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh An Giang ^(iv)	3.512.715.551	-	3.512.715.551	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(v)	1.600.461.127	-	1.600.461.127	-
Vay ngắn hạn các cá nhân Ông Dương Thái Nguyên ^(vi)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	324.824.798.044	-	324.824.798.044	-

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng hạn mức tín dụng 201/2010/NHNT.AG ngày 15 tháng 6 năm 2010 và các hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm theo hợp đồng 201/2010/NTNT.AG) với mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất nhà máy, văn phòng làm việc và máy móc thiết bị.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTĐ ngày 22 tháng 5 năm 2013. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian vay tính theo từng giấy nhận nợ và tối đa là 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh chế biến. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo là quyền sở hữu công trình xây dựng, máy móc, thiết bị.

(iii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng số 48/2014/HĐTĐXH.SĐ-NPPT-ĐT.AG, ngày 19 tháng 5 năm 2014. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất, cầm cố số dư tiền gửi và lãi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi, bao gồm: tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba là Công ty Cổ phần Châu Á. Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2011/HĐTĐCQSĐTS-NHPT. Cầm cố số dư tiền gửi của Công ty Cổ phần Ntaco tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Cầm cố lãi tiền gửi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi được tính bổ sung vào giá trị tài sản đảm bảo.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 068/2010/HĐTĐ-DN.LX ngày 20 tháng 05 năm 2010 và các hợp đồng sửa đổi cấp hạn mức tín dụng. Mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là hàng tồn kho cá thành phẩm.

(v) Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang (VIB) theo hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0015/HDDTN2-VIB621/1.1 ngày 16 tháng 3 năm 2011 và các phụ lục hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh cá tra, basa fillet xuất khẩu. Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ. Hình thức bảo đảm là hàng tồn kho luân chuyển

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

là các loại cá tra fillet thành phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu được bảo quản tại kho 1 và kho 2 của công ty tọa lạc tại số 99 Hùng Vương, KCN phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và dây chuyền thiết bị đồng bộ sản xuất bột cá từ phế phẩm cá tra, basa.

(vi) Khoản vay Ông Dương Thái Nguyên không có tài sản đảm bảo với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang đã tiến hành các thủ tục khởi kiện Công ty về các khoản nợ vay quá hạn chưa thanh toán. Hiện tại, các vụ kiện đã được tòa án tỉnh An Giang thụ lý và đang chờ thời điểm xét xử. Bên cạnh đó, tòa án tỉnh An Giang cũng đang thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang về các khoản vay của Công ty tại ngân hàng này. Tuy nhiên, vẫn chưa có quyết định chính thức của tòa về thời gian giải quyết vụ kiện.

Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau:

	01/01/2017 VND	Vay trong năm VND	Trả nợ vay trong năm VND	31/12/2017 VND
Vay ngân hàng	323.824.798.044	-	-	323.824.798.044
Vay cá nhân	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Cộng	324.824.798.044	-	-	324.824.798.044

5. 16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2017 VND	Trích lập quỹ VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2017 VND
Quỹ khen thưởng	237.711.277	-	-	237.711.277
Quỹ phúc lợi	2.918.063	-	-	2.918.063
Cộng	240.629.340	-	-	240.629.340

5. 17 Vốn chủ sở hữu**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm trước	119.999.980.000	(420.866.056.401)	(300.866.076.401)
Lợi nhuận trong năm trước	-	1.476.046.412	1.476.046.412
Số cuối năm trước	119.999.980.000	(419.390.009.989)	(299.390.029.989)
Số đầu năm nay	119.999.980.000	(419.390.009.989)	(299.390.029.989)
Lợi nhuận trong năm nay	-	(163.779.382.254)	(163.779.382.254)
Số cuối năm nay	119.999.980.000	(583.169.392.243)	(463.169.412.243)

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**5.17.2 Cổ phiếu**

	<u>31/12/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.998	11.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.999.998</i>	<i>11.999.998</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.998	11.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.999.998</i>	<i>11.999.998</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

5. 18 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**5.18.1 Tài sản nhận giữ hộ**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Thành phẩm gia công cho Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông – Cá basa phi-lê (kg)	-	126.576,74

5.18.2 Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Dollar Mỹ (USD)	363,88	559,35
Euro (EUR)	-	255,55

5.18.3 Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	147.172.849.190	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.480.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	68.666.843.861	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.295.928.437	-
Phải thu dài hạn khác	307.979.796	-

Trong năm, Công ty đã xóa nợ đối với các khoản nợ phải thu theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Đại Hội đồng cổ đông. Việc xóa các khoản nợ làm phát sinh một khoản chi chí tương ứng tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán thành phẩm	-	14.182.176.187
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.059.946.697	46.579.335.272
Doanh thu cho thuê kho	1.624.000.000	-
Cộng	5.683.946.697	60.761.511.459

6.2 Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	6.196.033.465
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.289.349.053	43.895.416.312
Giá vốn cho thuê kho	2.507.163.252	-
Cộng	9.796.512.305	50.091.449.777

6.3 Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	59.406.489.730	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	29.264.358
Cộng	59.406.489.730	29.264.358

6.4 Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	68.823.749
Chi phí bằng tiền khác	-	13.590.000
Cộng	-	82.413.749

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	1.897.083.500	5.109.306.246
Chi phí đồ dùng văn phòng	315.151.617	513.821.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.457.517.263	340.219.990
Thuế, phí và lệ phí	805.766.960	811.028.696
Chi phí dự phòng	1.794.251.284	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.821.056	1.151.865.090
Chi phí bằng tiền khác	1.754.661.601	1.068.871.128
Cộng	8.029.253.281	8.995.113.123

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**6.6 Thu nhập khác**

	2017 VND	2016 VND
Thu tiền điện cho thuê	431.062.804	1.123.921.971
Thu nhập từ xử lý công nợ	28.024.090.689	478.080.919
Thu nhập từ thanh lý công cụ, nguyên liệu	-	75.189.090
Thu nhập khác	22.064.724	148.195.492
	28.477.218.217	1.825.387.472

(*) Công ty đã xóa các khoản nợ phải trả mà Công ty xác định là không còn nghĩa vụ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Đại Hội đồng cổ đông.

6.7 Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.563.870.976	1.043.148.000
Xử lý công nợ (*)	116.038.547.074	630.422.389
Xử lý thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	-	70.442.450
Chi phí thuê xe	800.000.000	-
Chi phí bồi thường hợp đồng	-	140.511.000
Phạt chậm nộp thuế	2.223.146.294	-
Chi phí khác	84.844.525	103.199.400
Cộng	120.710.408.869	1.987.723.239

(*) Giá trị còn lại chưa lập dự phòng của các khoản phải thu không có khả năng thu hồi mà Công ty đã xóa theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ATA ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Đại Hội đồng cổ đông.

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	(163.779.382.254)	1.476.046.412
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(163.779.382.254)	1.476.046.412
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(13.648)	123

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính như sau:

	2017	2016
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.999.998	11.999.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	315.151.617	5.698.311.392
Chi phí nhân công	3.729.412.500	29.961.588.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.234.583.518	6.517.252.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.735.487.777	15.169.720.671
Chi phí khác	4.811.130.174	1.822.104.502
Cộng	17.825.765.586	59.168.976.649

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Công cụ tài chính**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.983.306	-	111.983.306
Đầu tư tài chính	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Phải thu khách hàng	6.443.338.378	-	6.443.338.378
Phải thu khác	851.091.456	-	851.091.456
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	7.006.343.379	-	7.006.343.379
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Tổng cộng	400.069.761	-	400.069.761
Ngày 31/12/2017			
Phải trả người bán	8.142.590.575	-	8.142.590.575
Vay	324.824.798.044	-	324.824.798.044
Phải trả khác	630.115.546	-	630.115.546
Chi phí phải trả	161.691.631.437	-	161.691.631.437
Tổng cộng	495.289.135.602	-	495.289.135.602
Chênh lệch thanh khoản thuần	(494.889.065.841)	-	(494.889.065.841)
Ngày 01/01/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	706.681.689	-	706.681.689
Đầu tư tài chính	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Phải thu khách hàng	155.990.967.027	-	155.990.967.027
Phải thu cho vay	10.480.000.000	-	10.480.000.000
Phải thu khác	5.048.844.459	307.979.796	5.048.844.459
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	85.317.097.958	153.989.898	85.317.097.958
Dự phòng phải thu khó đòi	-	1.335.000.000	1.335.000.000
Tổng cộng	86.755.405.319	153.989.898	86.909.395.217
Ngày 01/01/2017			

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phải trả người bán	10.257.597.470	-	10.257.597.470
Vay	324.824.798.044	-	324.824.798.044
Phải trả khác	24.009.012.371	-	24.009.012.371
Chi phí phải trả	102.285.141.707	-	102.285.141.707
Tổng cộng	461.376.549.592	-	461.376.549.592
Chênh lệch thanh khoản thuần	(374.621.144.273)	153.989.898	(374.467.154.375)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty khó có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

C.T. NTACO
Số 99 Hùng Vương
P. Mỹ Quý
Thị trấn Long Xuyên
T. An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

iv. Giá trị hợp lý
Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.983.306	-	706.681.689	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.335.000.000	(1.335.000.000)	1.335.000.000	(1.335.000.000)
Phải thu khách hàng	6.443.338.378	(6.421.407.153)	155.990.967.027	(79.557.343.841)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	10.480.000.000	(5.240.000.000)
Phải thu khác	851.091.456	(584.936.226)	5.048.844.459	(519.754.117)
Tổng cộng	8.741.413.140	(8.341.343.379)	173.561.493.175	(86.652.097.958)
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	8.142.590.575	-	10.257.597.470	-
Vay và nợ ngắn hạn	324.824.798.044	-	324.824.798.044	-
Phải trả khác	630.115.546	-	24.009.012.371	-
Chi phí phải trả	161.691.631.437	-	102.285.141.707	-
Tổng cộng	495.289.135.602	-	461.376.549.592	-

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

50
12/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

v. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>2017</u>	<u>2016</u>
	VND	VND
Thành viên Ban Tổng giám đốc	-	1.696.880.000
Bà Nguyễn Thị Dung	-	4.412.751.030
<i>Mua nguyên liệu</i>		
Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh	400.000.000	-
<i>Thuê xe</i>		
Các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt		
Bà Đinh Thị Phương Thùy	400.000.000	-
<i>Thuê xe</i>		
<i>Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</i>	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt		
Phải trả cho thuê xe	96.000.000	-
Cộng nợ phải trả	<u>96.000.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>2017</u>	<u>2016</u>
	VND	VND
Lương, thưởng	615.000.0000	1.696.880.000



CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật	Công ty có cùng quản lý cấp cao
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Công ty có cùng quản lý cấp cao

Trong năm, giao dịch với các công ty có liên quan của Công ty như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật		
Cho thuê xưởng	1.050.000.000	-
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An – Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Thuê xe	318.181.818	-
<i>Công nợ với các bên liên quan khác</i>		
Tại ngày kết thúc năm tài chính công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Việt Nhật		
Phải trả tiền thu hộ	482.230.000	-
Công ty Cổ phần Thu nợ Dân An – Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Phải trả thuê xe	30.000.000	-
Cộng nợ phải trả	512.230.000	-

7.3 Thông tin bộ phận**7.3.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản, gia công. Do đó, Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

7.3.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

7.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2017) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 581.016.318.662 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 495.692.888.898 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

151304
 NG TY
 CP
 ACC
 EN-T.1

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã nhận được kết quả Bán án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo đó, Công ty phải có nghĩa vụ chi trả nợ gốc, lãi đến hạn và lãi quá hạn với tổng số tiền lần lượt là 40.417.466.700 VND và 3.086.295.981 VND.

Bên cạnh đó, tòa án tỉnh An Giang cũng đang thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang về các khoản vay của Công ty tại ngân hàng này. Tuy nhiên, vẫn chưa có quyết định chính thức của tòa về thời gian giải quyết vụ kiện.

Các yếu tố trên làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang xúc tiến kế hoạch kinh doanh mới, tìm kiếm khách hàng và thị trường mới. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tái khởi động lại hoạt động gia công xuất khẩu cá phi-lê và duy trì việc cho thuê nhà xưởng nhân rồi để tạo nguồn thu thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn. Công ty đã xây dựng phương án tái cấu trúc lại hoạt động và thương thảo với các ngân hàng để tái cơ cấu lại các khoản nợ vay để có thể đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2018

TRẦN MINH TRỌNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH SƠN
Chủ tịch Hội đồng quản trị

An giang, ngày 04 tháng 04 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN THANH SƠN